

MỘT SỐ MÔ HÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ TRÁI CÂY TẠI TỈNH BẾN TRE: HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT PHÁT TRIỂN

NGUYỄN THỊ VÂN*

Nghiên cứu này được thực hiện tại tỉnh Bến Tre năm 2017. Phương pháp sử dụng chủ yếu là phân tích thống kê, phân tích số liệu thứ cấp kết hợp với thông tin phỏng vấn sâu. Kết quả nghiên cứu cho thấy sản xuất và tiêu thụ trái cây tại tỉnh Bến Tre hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, như: tình trạng sản xuất phân tán, manh mún; thiếu diện tích chuyên canh quy mô lớn; năng suất, chất lượng trái cây thấp; đầu tư thâm canh chưa thống nhất theo quy trình kỹ thuật; số lượng, quy cách, chất lượng sản phẩm không đồng đều... Bài viết phân tích cách thức thực hiện cùng với những thuận lợi, khó khăn của các mô hình, nhằm đề xuất những mô hình hoạt động có hiệu quả cho ngành sản xuất trái cây của tỉnh.

Từ khóa: mô hình sản xuất và tiêu thụ, trái cây, Bến Tre

Nhận bài ngày: 3/8/2018; đưa vào biên tập: 4/8/2018; phản biện: 10/8/2018; duyệt đăng: 13/10/2018

1. GIỚI THIỆU

Bài viết là một phần kết quả đề tài cấp cơ sở năm 2017: *Đề xuất mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây tại tỉnh Bến Tre* do tác giả làm chủ nhiệm. Để thực hiện đề tài, tác giả đã tiến hành khảo sát, phỏng vấn sâu ở thành phố Bến Tre và huyện Chợ Lách. Số lượng

phỏng vấn sâu là 15 cuộc, trong đó có 11 cuộc phỏng vấn các hộ sản xuất trái cây, bao gồm các hộ sản xuất theo cách truyền thống, hộ sản xuất theo tiêu chuẩn GAP (VietGAP, GlobalGAP...), 2 cuộc phỏng vấn sâu thương lái và 2 cuộc phỏng vấn sâu cán bộ địa phương. Bên cạnh việc trích dẫn các thông tin định tính từ các cuộc phỏng vấn sâu, bài viết dựa trên số liệu thống kê về tình hình sản xuất

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

và tiêu thụ trái cây của tỉnh mà đề tài đã thu thập từ các nguồn số liệu thứ cấp và từ việc quan sát thực địa; qua đó mô tả và phân tích một số mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây của tỉnh Bến Tre và đề xuất hướng phát triển.

2. HIỆN TRẠNG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ TRÁI CÂY CỦA TỈNH BẾN TRE

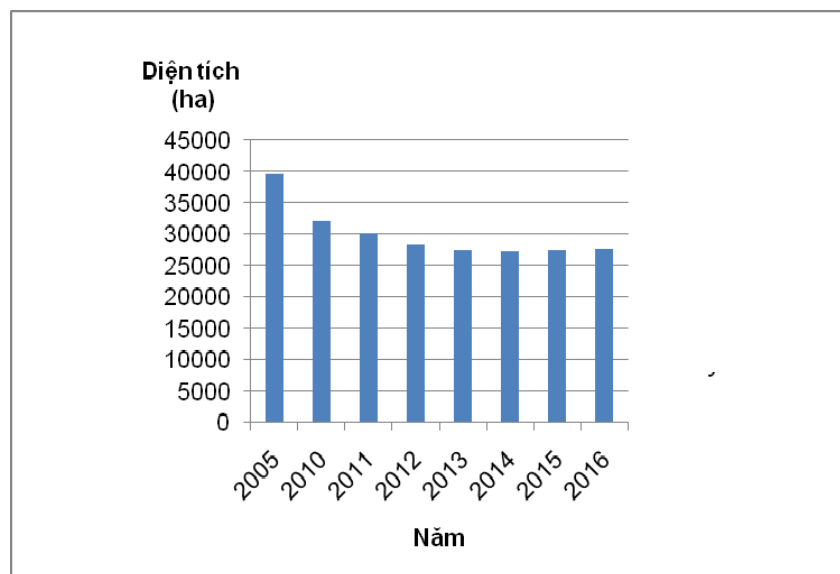
2.1. Hiện trạng sản xuất

Bến Tre có nhiều lợi thế về phát triển nông nghiệp, trong đó cây ăn trái là một trong những sản phẩm chính đóng góp lớn vào mức tăng trưởng chung của tỉnh. Ngày nay, cây trồng đang dần được chuyển hướng sang chuyên canh hóa. Các tổ hợp tác, hợp tác xã, bước đầu có sự liên kết, hợp tác giữa sản xuất - tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Một số mô hình sản xuất an toàn được chứng nhận GAP (Good Agricultural Practices), sử dụng giống mới và ứng dụng khoa học công

nghệ, tạo ra sản lượng hàng hóa lớn có chất lượng tốt, kích cỡ khá đồng đều, đáp ứng tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

Tuy nhiên, hiện nay sản xuất và tiêu thụ trái cây tại tỉnh Bến Tre vẫn còn nhiều bất cập, điển hình như tình trạng sản xuất phân tán, manh mún; thiếu diện tích chuyên canh quy mô lớn, năng suất, chất lượng trái cây thấp; đầu tư thâm canh chưa thống nhất theo quy trình kỹ thuật; số lượng, quy cách, chất lượng sản phẩm không đồng đều. Đặc biệt, số lượng trái cây đạt chứng nhận VietGAP (Vietnamese Good Agricultural Practice), GlobalGAP (Global Good Agricultural Practice) còn quá ít, chỉ khoảng 270ha trong tổng diện tích gần 28.000ha. Việc tiêu thụ sản phẩm chủ yếu không qua hợp đồng thu mua. Chính vì vậy, hơn 90% lượng sản phẩm cây ăn trái chỉ tiêu thụ ở thị trường trong nước, trái cây

Biểu đồ 1: Tổng diện tích cây ăn trái của tỉnh qua các năm



Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bến Tre năm 2006, 2011, 2016.

xuất khẩu rất ít, quá trình tiêu thụ phải trải qua nhiều khâu trung gian. Đặc biệt, khả năng bảo quản trái cây sau thu hoạch, vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm và việc xây dựng thương hiệu cho trái cây Bến Tre vẫn là những “nút thắt” chưa được tháo gỡ (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2015).

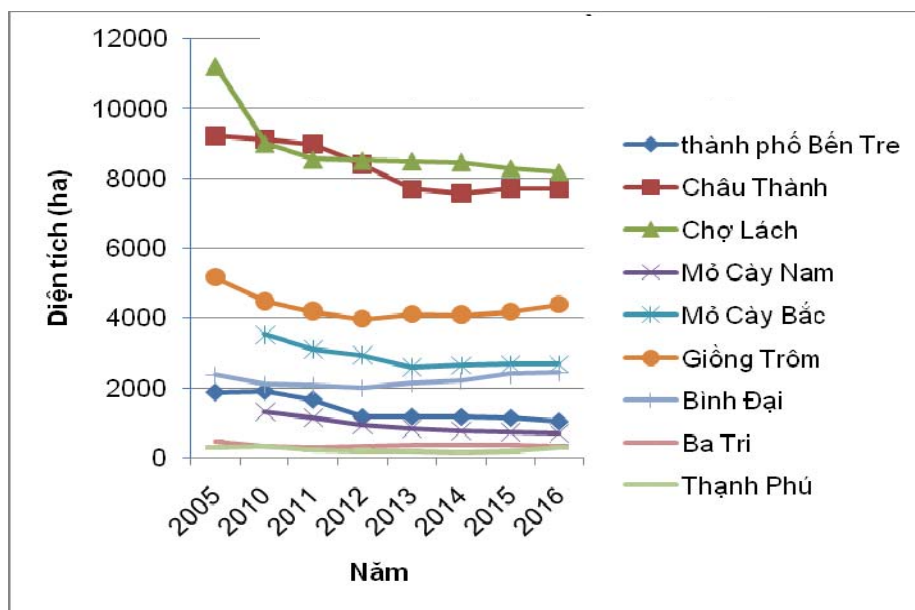
Năm 2005, tổng diện tích cây ăn trái toàn tỉnh là gần 40.000ha, đến năm 2012 diện tích này giảm xuống còn gần 30.000ha, do nhiều hộ đã chuyển đổi một số diện tích cây ăn trái sang nuôi trồng thủy sản, vì nghề nuôi thủy sản tạo nguồn thu nhập cao cho các hộ gia đình. Tuy nhiên, những năm sau đó tình hình nuôi thủy sản chưa được như kỳ vọng của người dân (do dịch bệnh, năng suất sản lượng không cao, giá cả lên xuống thất thường),

nhưng nhiều hộ gia đình không dám chuyển đổi đất ồ ạt; bên cạnh đó, ngành hàng trái cây đang có xu hướng phát triển. Vì vậy, diện tích trồng cây ăn trái những năm gần đây không có nhiều biến động (số liệu thể hiện ở Biểu đồ 1).

Toàn tỉnh hiện có 27.719ha diện tích cây ăn trái đặc sản các loại (trong đó: bưởi chiếm 7.212ha (chủ yếu là bưởi da xanh), chôm chôm 5.631ha, nhãn 3.196ha, sản lượng hàng năm đạt khoảng 305.000 tấn, đứng vị trí thứ ba về diện tích và sản lượng trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (sau Tiền Giang, Vĩnh Long). Các vườn trái cây phân bố tập trung tại các huyện Chợ Lách, Châu Thành, Mỏ Cày Bắc, Giồng Trôm (Cục Thống kê tỉnh Bến Tre, 2016: 62-78).

Tại Bến Tre, ngoài cây dừa vừa là cây

Biểu đồ 2: Diện tích trồng cây ăn trái phân theo huyện tại tỉnh Bến Tre



Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bến Tre năm 2006, 2011, 2016.

ăn trái vừa là cây công nghiệp, tỉnh còn có 5 loại cây ăn trái chủ lực khác là: nhãn, bưởi da xanh, chôm chôm, sầu riêng và măng cụt; trong đó có 3 loại cây chủ lực chính là nhãn, bưởi da xanh và chôm chôm. Các loại cây ăn trái trên phù hợp với điều kiện tự nhiên và thổ nhưỡng của tỉnh, có chiều hướng tăng cả về diện tích lẫn sản lượng, thị trường trong và ngoài nước có nhu cầu cao, có nhiều tiềm năng xuất khẩu. Các loại cây ăn trái chủ lực mang hiệu quả kinh tế cao chủ yếu tập trung tại 2 huyện Chợ Lách và Châu Thành (số liệu thể hiện ở Biểu đồ 2). Hạn chế lớn nhất trong phát triển cây ăn trái tại tỉnh Bến Tre hiện nay là chưa có những vùng chuyên canh cụ thể được quy hoạch phát triển.

2.2. Tình hình tiêu thụ trái cây của tỉnh Bến Tre

Thời gian qua, trái cây của Bến Tre được tiêu thụ mạnh tại thị trường nội địa, do chất lượng trái cây của Bến Tre ngon và được người tiêu dùng trong nước ưa chuộng. Việc tiêu thụ sản phẩm chủ yếu vẫn dựa vào thương lái, rất ít doanh nghiệp chủ động đến liên kết để bao tiêu sản phẩm. Hoạt động tiêu thụ trái cây của tỉnh Bến Tre diễn ra trên 3 kênh chính:

Kênh 1: Người sản xuất - người bán lẻ - người tiêu dùng: kênh tiêu thụ này diễn ra tại địa phương gần vùng sản xuất.

Kênh 2: Người sản xuất - người thu gom/thương lái - chợ đầu mối/vừa - bán buôn/bán lẻ - tiêu thụ trong nước

hay xuất khẩu. Đây là kênh phân phối truyền thống trong việc tiêu thụ nông sản sản xuất nhỏ lẻ, phân tán.

Kênh 3: Người sản xuất - người thu gom/thương lái - chợ đầu mối/vừa - doanh nghiệp/cơ sở chế biến - tiêu thụ trong nước hay xuất khẩu. Đây là kênh tiêu thụ phục vụ lĩnh vực chế biến nông sản. Kênh này chủ yếu tiêu thụ sản phẩm có chất lượng tốt, bảo đảm an toàn thực phẩm, được sản xuất theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP), vào các siêu thị có thương hiệu nổi tiếng (Co.opMart, MaxiMart, CitiMart, Metro, BigC) và xuất sang Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Nga, Hàn Quốc, Hà Lan, Canada... Muốn đẩy mạnh xuất khẩu, phải tập trung phát triển “kênh” tiêu thụ thứ ba này.

Việc mua bán trái cây tại nhà vườn chủ yếu là mạng lưới thương lái và các nhà vừa nhỏ phân tán tại trung tâm các xã. Đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre cho biết: *“Đa số trái cây của Bến Tre được bán cho thương lái. Riêng dừa, bưởi, chôm chôm, nhãn 70% sản lượng bán cho thương lái, 30% sản lượng bán cho các doanh nghiệp thu mua. Các sản phẩm trái cây chủ yếu được bán dưới dạng trái tươi hoặc chỉ qua sơ chế, đóng gói, tiêu thụ nội địa nên giá cả còn thấp, lợi nhuận không cao. Hiện nay việc tiêu thụ trái cây của Bến Tre đang chịu sự cạnh tranh với trái cây cùng loại do các tỉnh trong nước sản xuất, đồng thời chịu sự cạnh tranh với các loại trái cây ngoại nhập”*

(PVS, đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre).

Như vậy, có thể nhận thấy ngành hàng sản xuất trái cây tại tỉnh Bến Tre cần có những hướng đi mới để cạnh tranh với sản phẩm trái cây trong nước và thế giới.

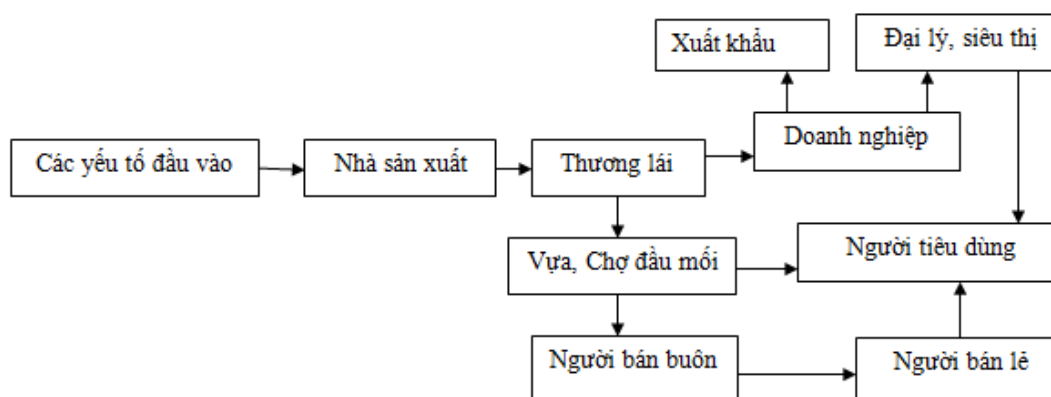
3. MỘT SỐ MÔ HÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ TRÁI CÂY TẠI TỈNH BẾN TRE

Sản xuất và xuất khẩu trái cây là một trong những vấn đề được tỉnh Bến Tre quan tâm, nhất là trong thời kỳ hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới. Ngoài các giải pháp căn cơ của các cơ quan quản lý nhà nước bằng các chương trình, dự án đầu tư nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả trái cây theo GAP, tỉnh còn tổ chức xúc tiến, quảng bá, nắm bắt thị trường, tạo ra sản phẩm chất lượng sạch cho các tổ chức kinh tế, công ty, doanh nghiệp trong tỉnh, góp phần đưa hàng xuất khẩu đi xa hơn. Trong bối cảnh đó, nhiều hộ sản xuất nông nghiệp đã xây dựng những mô hình sản xuất và tiêu

thụ trái cây mới, sát với yêu cầu thị trường, đồng thời phát huy được thế mạnh về đất đai, khí hậu, nguồn nước... Bên cạnh mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây truyền thống, các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất cây ăn trái theo tiêu chuẩn GAP bước đầu phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, thương hiệu trái cây của Bến Tre. Đến nay, toàn tỉnh đã có 102 tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất cây ăn trái, trong đó có 25 mô hình sản xuất được cấp chứng nhận GAP, gồm 3 mô hình GlobalGAP và 22 mô hình VietGAP. Mặc dù vậy, diện tích trồng cây ăn trái đạt tiêu chuẩn chất lượng an toàn còn chiếm tỷ lệ rất nhỏ (khoảng 1%) so với tổng diện tích trồng cây ăn trái tại tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bến Tre, 2015). Dưới đây, chúng tôi sẽ phân tích, tìm hiểu cách thức thực hiện, những khó khăn và thuận lợi của từng mô hình hầu tìm ra một mô hình phù hợp hơn cho Bến Tre.

3.1. Mô hình 1: Sản xuất và tiêu thụ trái cây theo cách truyền thống

Hình 1. Mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây truyền thống tại tỉnh Bến Tre



Nguồn: Tổng hợp của tác giả.

3.1.1. Cách thức thực hiện

Hiện nay đa số các hộ sản xuất và tiêu thụ trái cây trong cả nước, tại vùng Tây Nam Bộ nói chung và tỉnh Bến Tre nói riêng đều sản xuất theo mô hình tự sản, tự tiêu, không theo một quy chuẩn nhất định. Bên cạnh đó, diện tích đất đai của mỗi hộ thường nhỏ lẻ. Tại tỉnh Bến Tre, bình quân diện tích sản xuất trái cây/hộ là 0,3ha, vì vậy việc sản xuất trái cây thường mang tính tự phát. Người nông dân thường tự quyết định trồng cây gì, trồng thời điểm nào, cách trồng ra sao, chủ yếu chạy theo trào lưu, lợi ích trước mắt. Vì vậy dẫn đến việc các nhà vườn lựa chọn những giống cây trồng không phù hợp với đất đai, thổ nhưỡng, khí hậu, làm giảm năng suất cây trồng, hiệu quả kinh tế không cao, hoặc cung vượt quá cầu, khó tiêu thụ, giá cả thấp.

Các hộ sản xuất cũng tự quyết định việc cải tạo, làm đất. Cách thức và liều lượng sử dụng phân bón, hóa chất cũng được các hộ dân tự ý quyết định, không có ai kiểm soát, giám sát. Các biện pháp kỹ thuật, chăm sóc cũng đều theo kinh nghiệm của người dân.

Cách thức tiêu thụ: Hầu hết các hộ dân đều tiêu thụ sản phẩm của mình thông qua thương lái, có thể tiêu thụ qua 1 thương lái thường xuyên hoặc nhiều thương lái khác nhau. Các thương lái sau khi thu gom sản phẩm của các hộ sẽ tiêu thụ qua các kênh khác nhau, như: phân phối tới các chợ trái cây (đây là kênh tiêu thụ chính của các thương lái), phân phối

đến các chợ trái cây đầu mối ở các tỉnh Tiền Giang, Cần Thơ..., bán buôn cho các đại lý, cửa hàng, siêu thị; hoặc phân phối cho các doanh nghiệp. Từ các địa điểm này trái cây sẽ được phân phối trực tiếp hay gián tiếp đến tay người tiêu dùng.

Hộp 1

“Năm nào gia đình tôi cũng bán chôm chôm cho thương lái. Tôi không bán cho một thương lái cố định nào cả, cứ đến khi trái chín tôi sẽ đi hỏi giá của nhiều người, ai trả giá cao hơn tôi sẽ bán cho người đó. Có lúc tôi bán cho thương lái tại Sơn Định nhưng có lúc tôi bán cho thương lái ở tận Vĩnh Long qua mua, vì huyện Chợ Lách giáp ranh với Vĩnh Long nên họ cũng hay sang Chợ Lách mua lắm, họ mua giá cao là tôi bán. Sau đó họ đem đi đầu tiêu thụ tôi cũng không biết, có khi tiêu thụ trong tỉnh, ngoài tỉnh, có khi đem bán tận tỉnh Cà Mau, hoặc có khi họ đem sang Campuchia qua đường tiểu ngạch” (PVS Nguyễn Duy T, hộ sản xuất theo mô hình truyền thống tại xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre).

Cũng có một số doanh nghiệp đến thu mua từ hộ nông dân, nhưng vì doanh nghiệp không trực tiếp thu mua mà người nông dân phải tự vận chuyển đến cơ sở của doanh nghiệp, giá cả so với thương lái lại chênh nhau không đáng kể, nên đa số người dân đều lựa chọn bán trực tiếp cho thương lái.

Hộp 2

“Trước đến giờ gia đình không bán

chôm chôm cho doanh nghiệp. Cũng có một số doanh nghiệp thu mua như Chánh Thu, Huỳnh Mai nhưng phải vận chuyển trái cây đến cơ sở của họ, và họ lựa rất kỹ, tuy giá có cao hơn nhưng những trái chôm chôm dạt ra (trái nhỏ, trái xấu xí) thì giá lại thấp, bù qua bù lại thì thấy cũng như bán với thương lái, nên gia đình bán luôn cho thương lái cho tiện, đa số các nhà vườn ở đây đều bán cho thương lái” (PVS Huỳnh Thị P, hộ sản xuất theo mô hình truyền thống, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre).

3.1.2. Hiệu quả đạt được của mô hình

Sản xuất và tiêu thụ trái cây theo mô hình truyền thống có thể áp dụng đối với bất kỳ hộ gia đình nào, không phụ thuộc vào diện tích trồng, loại trái cây, cách thức sản xuất, cách thức thu hoạch, quy chuẩn chất lượng. Các hộ gia đình có thể làm bất cứ điều gì mà họ cho là đúng, phù hợp với điều kiện và cách làm của gia đình họ, không chịu sự quản lý, giám sát của bất cứ ai. Đặc biệt khi thu hoạch, họ có thể bán cho bất cứ ai, bất cứ khi nào, “thuận mua, vừa bán” không chịu bất cứ sự ràng buộc nào, giá cả tùy vào giá thị trường lúc thu hoạch, giá bán tuy thấp hơn những hộ sản xuất theo quy chuẩn nhưng các hộ gia đình sản xuất theo mô hình này vẫn chấp nhận.

Hộp 3

“Hộ gia đình tôi không sản xuất theo tiêu chuẩn nào hết, mình nghĩ sao thì làm vậy, trước đến giờ làm theo kinh nghiệm của mình nên quen rồi, ví dụ thấy cách làm của các nhà vườn nào

hay thì mình học hỏi về làm thôi. Tôi nghe nói sản xuất theo tiêu chuẩn Vietgap thấy nhiều quy trình thực hiện nghe khó khăn quá, không biết lợi nhuận có hơn được nhiều không... nên chúng tôi không làm, cứ làm theo trước đến giờ không chịu sự ràng buộc hay giám sát nào hết, dù thu nhập không bằng người ta nhưng cũng chấp nhận” (PVS Nguyễn Duy T, hộ sản xuất theo mô hình truyền thống tại xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre).

3.1.3. Khó khăn

Khó khăn lớn nhất hiện nay đối với các hộ sản xuất và tiêu thụ trái cây theo mô hình truyền thống là đầu ra cho sản phẩm. Do sản xuất không theo một tiêu chuẩn nhất định nào, dựa theo kinh nghiệm là chủ yếu nên năng suất, chất lượng không cao. Đến vụ thu hoạch rộ họ thường bị thương lái ép giá, giá bán không được như mong muốn nên đem lại lợi nhuận không cao.

Hộp 4

“Những nhà vườn sản xuất theo kiểu truyền thống năng suất trái cây đạt được thường thấp hơn nhiều so với nhà vườn sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng, ví dụ sản xuất bưởi theo kiểu truyền thống năng suất chỉ đạt 15, 16 tấn/ha, trong khi đó sản xuất theo tiêu chuẩn GAP đạt 20 tấn/ha, có hộ đạt 24 tấn bưởi/ha. Giá bán sản phẩm sản xuất ra cũng không cao, vì vậy thu nhập của họ thường thấp” (PVS cán bộ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre).

Nhưng đa số các hộ dân có diện tích trồng cây không tập trung, nhỏ lẻ, phân tán nên khó áp dụng các công nghệ hiện đại, việc sản xuất trái cây theo các tiêu chuẩn kỹ thuật cũng khó khăn hơn. Bên cạnh đó, do không được tập huấn thường xuyên về kỹ năng sản xuất, phòng trừ sâu bệnh, cải tạo đất, cách thức chăm bón cây trồng, liều lượng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón theo tiêu chuẩn, nên năng suất đạt được thường không cao, chất lượng, mẫu mã sản phẩm không đạt chuẩn, giá bán bị thấp.

3.2. Mô hình 2: Sản xuất và tiêu thụ trái cây theo tiêu chuẩn GAP (Good Agricultural Practices)

Hiện nay trong cả nước, việc sản xuất và tiêu thụ trái cây theo tiêu chuẩn GAP có hai tiêu chuẩn chính là VietGAP và GlobalGAP. Tại tỉnh Bến Tre hiện nay cũng có nhiều mô hình khác nhau khi thực hiện sản xuất theo hai tiêu chuẩn này, như: sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP không có sự hỗ trợ từ các dự án, người dân tự nguyện tuyên truyền nhau thực hiện; sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP có sự hỗ trợ từ các tổ chức và sự tham gia của doanh nghiệp... Tuy nhiên, trong phạm vi bài nghiên cứu này, các cách thức sản xuất đó được gọi chung là sản xuất và tiêu thụ trái cây theo tiêu chuẩn GAP.

3.2.1. Cách thức thực hiện việc sản xuất trái cây theo tiêu chuẩn GAP

Năm 2009, thực hiện chỉ đạo của tỉnh Bến Tre về thí điểm các mô hình sản

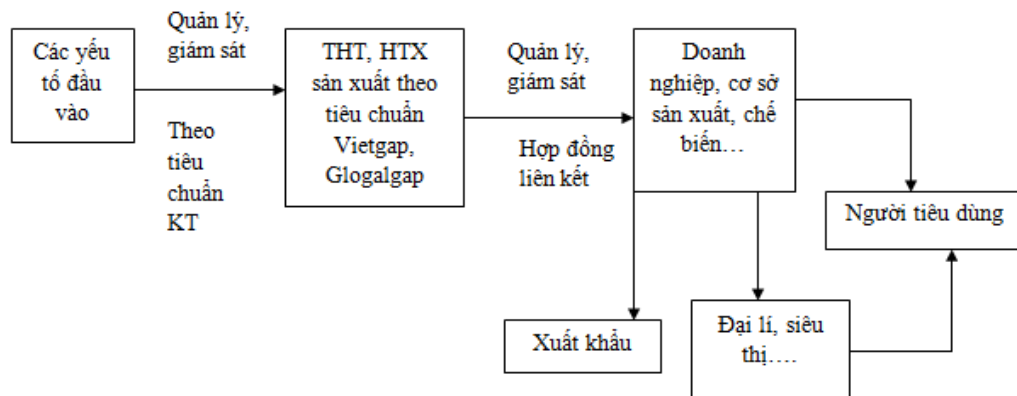
xuất theo tiêu chuẩn kỹ thuật có sự liên kết giữa các bên tham gia, một số xã, huyện trong tỉnh được lựa chọn để thực hiện, như: Hợp tác xã nhãn Long Hòa huyện Bình Đại, Hợp tác xã chôm chôm tại Sơn Định huyện Chợ Lách... sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP; Hợp tác xã bưởi da xanh tại xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP.

Điểm nổi bật của mô hình này là có sự liên kết giữa doanh nghiệp, nhà nông, nhà khoa học và sự quản lý của nhà nước. Bên cạnh đó, hầu hết các mô hình thành công đều có sự hỗ trợ từ các dự án.

- Nhà nông: bao gồm các hộ tham gia mô hình liên kết sản xuất. Thông qua các lớp tập huấn và hướng dẫn trên thực địa của các cơ quan khoa học như Viện Cây ăn quả miền Nam, Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ tỉnh, các nhà vườn đã từng bước thay đổi tập quán canh tác cũ. Sản lượng sản xuất ra được các doanh nghiệp thu mua, có hợp đồng cung ứng và tiêu thụ sản phẩm.

- Doanh nghiệp: đại diện các doanh nghiệp liên kết đã tham gia các buổi hội thảo, hội nghị với người dân ngay từ khi khởi đầu dự án. Trong quá trình liên kết, doanh nghiệp ký hợp đồng thông qua người đại diện là tổ trưởng tổ hợp tác, chứ không ký trực tiếp với từng nông dân. Hình thức này đang có những thuận lợi nhất định, doanh nghiệp không cần phải quản lý sâu đến từng nông hộ, mà chỉ kiểm tra chất lượng sản phẩm của họ khi bán

Hình 2. Mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây theo tiêu chuẩn GAP



Nguồn: Tổng hợp của tác giả.

cho doanh nghiệp. Tổ trưởng tổ hợp tác có trách nhiệm đôn đốc các tổ viên thực hiện qui trình sản xuất tại các nông hộ nhằm đạt sản phẩm theo yêu cầu của doanh nghiệp. Nhờ liên kết cung ứng và tiêu thụ sản phẩm, các công ty liên kết có số lượng sản phẩm lớn, chất lượng cao và đồng đều, đảm bảo an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP để xuất khẩu.

- Nhà nước: bao gồm các cơ quan quản lý trong tỉnh, huyện, xã giúp doanh nghiệp và nông dân trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng, qui hoạch vùng trồng, cho vay vốn. Ngay từ khi vận động thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác, Chi cục Phát triển nông thôn Bến Tre đã cùng tham gia với nhóm nghiên cứu để vận động nông dân vào hợp tác xã, tổ hợp tác, tư vấn hồ sơ thủ tục thành lập tổ hợp tác. Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bến Tre, cán bộ Phòng Nông nghiệp huyện, thành phố, cấp ủy Đảng, Ủy ban Nhân dân, Hội Nông

dân... của các xã cũng đã vào cuộc rất sớm để vận động hộ sản xuất tham gia mô hình.

Sở Khoa học và Công nghệ Bến Tre phối hợp với Ủy ban Nhân dân thành phố Bến Tre tài trợ nguồn kinh phí để thực hiện dự án, đồng thời đứng ra vận động các cơ quan, tổ chức khác như Viện Cây ăn quả miền Nam, Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ tỉnh Tiền Giang, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Bến Tre, Ủy ban Nhân dân các xã cùng tham gia dự án. Các cơ quan, tổ chức này đã xuống địa phương cùng tìm hiểu, vận động những hộ dân đủ tiêu chuẩn về diện tích đất trồng, có đất liền kề nhau, tạo thành vùng trồng tập trung. Nhà nước cũng là nơi gắn kết, kết nối các bên liên quan và giúp giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc khi thực hiện dự án.

- Nhà khoa học: trong mô hình này vai trò của nhà khoa học thể hiện rõ nhất là sự tham gia của Viện Cây ăn quả

miền Nam, Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ tỉnh Tiền Giang. Các cán bộ khoa học đã tham gia trong suốt quá trình, từ khâu vận động, xúc tiến thành lập tổ hợp tác, nghiên cứu xây dựng qui trình và chuyển giao qui trình kỹ thuật cho nông dân, tổ chức tập huấn, hướng dẫn xây dựng mô hình sản xuất VietGAP, GlobalGAP, tập huấn chuyển giao thông tin thị trường tiêu thụ. Bên cạnh đó các cơ quan khoa học còn hỗ trợ nông dân về giống, kỹ thuật, phương pháp, cách thức ghi chép nhật ký công việc, kiểm tra giám sát từ khâu cải tạo đất cho đến khi thu hoạch, đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng VietGAP, GlobalGAP.

3.2.2. Hiệu quả đạt được của mô hình

Vào tổ hợp tác, hợp tác xã tham gia mô hình liên kết theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, việc sản xuất có nhiều thuận lợi, như: diện tích liền kề nhau nên dễ phát hiện, thống kê và khống chế được các dịch bệnh; các hộ dân tham gia mô hình được hưởng các chính sách ưu đãi về vốn vay; được hướng dẫn về cách thức tổ chức sản xuất sản phẩm sạch, kỹ năng, kỹ thuật chăm sóc cây trồng, nên trình độ sản xuất được nâng lên, khả năng hiểu biết, nhận thức cũng được nâng cao; các khoản phí để sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP được các bên tham gia hỗ trợ - một thuận lợi lớn để các hộ tham gia vào mô hình.

Nhờ thống nhất qui trình sản xuất, sản phẩm trái cây từ các vườn cây của các hộ tham gia mô hình có độ đồng

đều cao, chất lượng trái, màu sắc vỏ trái ít biến động so với các trường hợp sản xuất tự do bên ngoài hợp tác xã, tổ hợp tác. Trước đây nông dân trồng cây, bón phân, xịt thuốc đều theo kinh nghiệm; lượng phân bón sử dụng không hợp lý, dẫn đến tình trạng dư thừa số lượng, mất cân đối NPK, tăng chi phí đầu tư nhưng năng suất không cải thiện. Sản xuất theo qui trình kỹ thuật của Viện Cây ăn quả miền Nam đưa ra, nhà vườn trồng trái cây tiết kiệm được đáng kể chi phí phân bón, thuốc bảo vệ thực vật so với trước. Các sản phẩm sản xuất ra có đầu ra ổn định, giá cả hợp lý, nhà vườn ít phải lo đến khâu tiêu thụ.

Hộp 5

“Khác với mô hình truyền thống, tham gia mô hình theo VietGAP hoặc GlobalGAP không những năng suất, chất lượng cao mà sản phẩm của các hộ khi đến kỳ thu hoạch đều được doanh nghiệp trong mô hình thu gom hết. Do các hộ sản xuất trong mô hình đạt chứng nhận an toàn nên một số sản phẩm tuy không đạt kích cỡ, mẫu mã nhưng chất lượng vẫn rất tốt, doanh nghiệp vẫn thu gom để bảo quản, chế biến, đóng hộp... Một số doanh nghiệp tham gia cũng đạt tiêu chuẩn VietGAP hoặc GlobalGAP nên các sản phẩm đó họ đều có thể xuất khẩu với giá cao. Do có sự liên kết của các bên nên các hộ sản xuất cũng không lo bị ép giá, doanh nghiệp cũng không lo các hộ dân bán sản phẩm cho thương lái bên ngoài. Vì vậy người dân tham gia mô hình rất yên tâm về đầu ra sản phẩm” (PVS Huỳnh

Quốc H, hộ sản xuất bưởi da xanh theo tiêu chuẩn GlobalGAP tại xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre).

3.2.3. Khó khăn khi thực hiện mô hình

Thực hiện sản xuất trái cây theo qui trình thực hành nông nghiệp tốt, yêu cầu đặt ra là các hộ tham gia phải có nhà vệ sinh tự hoại, có nhà kho lưu trữ phân, thuốc bảo vệ thực vật chưa sử dụng... Tuy nhiên, do một bộ phận nhà vườn còn nghèo, thiếu vốn, nên để thực hiện theo tiêu chuẩn, họ phải đi vay vốn ngân hàng, vay bà con, thế chấp tài sản. Vì vậy nhiều hộ chưa dám mạnh dạn tham gia mô hình. Bên cạnh đó, trước đến nay các hộ sản xuất đã quen làm theo kinh nghiệm, không theo tiêu chuẩn hay chịu sự ràng buộc, giám sát từ bên ngoài nên không muốn tham gia khi chưa thấy được lợi ích họ thu được. Trình độ nhận thức, hiểu biết của người dân còn hạn chế, đây cũng là thách thức và trở ngại lớn khi vận động người sản xuất tham gia vào mô hình.

Hộp 6

“Khi tham gia mình phải đầu tư nhiều thứ theo tiêu chuẩn, khi chăm sóc phải ghi chép hàng ngày, muốn xịt thuốc, bón phân phải theo đúng liều lượng, tiêu chuẩn, mua phân hay thuốc ở đâu cũng phải được sự đồng ý của bên khoa học, nói chung họ giám sát chặt chẽ lắm. Tham gia vào mô hình này đều là những người có chút hiểu biết chứ nếu không hiểu biết thì thực hiện sai bét, không đạt tiêu chuẩn họ không công nhận cho thì mất công lắm... Nhà tôi không phải vay vốn chứ

nhiều người phải đi vay vốn ngân hàng, thế chấp đất đai để đầu tư” (PVS Phan Nhật T, hộ sản xuất chôm chôm theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre).

- Đa số các hộ dân có diện tích sản xuất trái cây nhỏ lẻ, không tập trung, vì vậy để thực hiện chương trình liên kết và sản xuất theo tiêu chuẩn kỹ thuật, các bên tham gia phải vận động những hộ có diện tích trồng lớn, hoặc có diện tích gần nhau tham gia mô hình để giảm bớt chi phí thực hiện, và hiệu quả mô hình đạt cao hơn. Bên cạnh đó, khó khăn lớn nhất khiến nhiều hộ chưa dám tham gia thực hiện mô hình là do phải thực hiện đúng các quy định, tiêu chuẩn, tiêu chí để đạt được chứng nhận VietGAP, GlobalGAP. Đặc biệt nhiều hộ đã tham gia mô hình rồi nhưng lại từ bỏ việc lấy tái chứng nhận GAP, vì không có khoản hỗ trợ kinh phí của nhà nước hoặc dự án. Họ không muốn tự bỏ kinh phí ra vì kinh phí để được cấp tái chứng nhận GAP khá cao. Vì vậy, nếu không có sự hỗ trợ kinh phí từ Nhà nước cũng như các dự án, việc duy trì và phát triển mô hình này cũng rất khó khăn.

Hộp 7

“Từ trước tới nay việc sản xuất và tiêu thụ trái cây theo tiêu chuẩn GAP (VietGAP, GlobalGAP...) đều có sự hỗ trợ của nhà nước cũng như các dự án. Tuy nhiên, khi các tổ liên kết sản xuất hoặc các hợp tác xã đạt được chứng nhận này thì cũng là lúc dự án kết

thức, nguồn vốn hỗ trợ cũng hết. Trong khi đó, các loại chứng nhận này chỉ có thời hạn 1 - 2 năm và chi phí tái chứng nhận rất lớn, lên đến hàng chục và trăm triệu đồng. Mặt khác, do không có sự tham gia của doanh nghiệp nên nhiều nơi sản phẩm theo tiêu chuẩn GAP cũng không khác gì các sản phẩm thông thường cả về giá cả lẫn thị trường tiêu thụ. Chính vì vậy, nông dân không mặn mà và lần lượt rời bỏ GAP trong khi đây là xu thế tất yếu của ngành nông nghiệp" (PVS cán bộ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre).

Mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn GAP tại tỉnh Bến Tre đã làm thay đổi nhận thức của người dân về ý nghĩa, lợi ích thiết thực trong việc sản xuất ra sản phẩm có chất lượng, hiệu quả kinh tế cao. Việc tham gia vào mô hình đã góp phần nâng cao thu nhập, đời sống từng hộ gia đình, tạo sự liên kết nông dân với nhau trong phát triển sản xuất. Sự liên kết giữa các nhà trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ đang là hướng đi đúng trong sự phát triển ngành hàng trái cây của tỉnh. Tuy nhiên do chi phí chứng nhận GAP cao và còn ít doanh nghiệp tham gia nên mô hình này chưa thu hút được đông đảo nông dân thực hiện.

4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ TRÁI CÂY TỈNH BẾN TRE

Qua việc phân tích tình hình hoạt động cũng như những thuận lợi, khó khăn của các mô hình sản xuất, có thể nhận thấy mỗi mô hình sản xuất và

tiêu thụ trái cây tại tỉnh Bến Tre đều có những thuận lợi và khó khăn nhất định. Với tình hình thực tế đã và đang diễn ra tại địa phương, hai mô hình sản xuất trên đều cần thiết, song để các mô hình hoạt động hiệu quả hơn cần có những giải pháp sau:

- Đối với mô hình 1: Mô hình này dành cho các hộ sản xuất qui mô nhỏ, có diện tích cây trồng nhỏ lẻ, manh mún, không thể tiến hành liên kết hoặc không đủ điều kiện vào các tổ hợp tác, hợp tác xã để sản xuất theo tiêu chuẩn GAP. Vì vậy, để sản phẩm sản xuất ra được người tiêu dùng tin tưởng, chấp nhận, hiệu quả sản xuất cao, người sản xuất cần phải thay đổi cách thức sản xuất hướng đến sản phẩm sạch, an toàn, chất lượng, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng. Để làm được điều đó, chính quyền địa phương các cấp cần tuyên truyền, phổ biến, thay đổi dần dần nhận thức, hiểu biết của người dân. Chính quyền cũng cần có biện pháp hỗ trợ hợp lý, như: vận động hộ sản xuất nhỏ lựa chọn những giống cây phù hợp với loại đất, diện tích đất, cử cán bộ khuyến nông xuống hộ dân để hướng dẫn sử dụng các yếu tố đầu vào đạt chuẩn chất lượng, có kỹ thuật chăm sóc, bón phân, dùng thuốc bảo vệ thực vật hợp lý... Chính quyền địa phương có thể vận động hộ dân sản xuất sản phẩm an toàn bằng cách cử cơ quan chức năng về kiểm tra chất lượng trái cây sản xuất ra, hộ nào đạt tiêu chuẩn an toàn có thể cấp giấy chứng nhận để họ có thể bán ra thị

trường với giá cao hơn, là cơ sở để họ có thể cung cấp trái cây cho các cửa hàng, đại lý, tạo uy tín và niềm tin với người tiêu dùng.

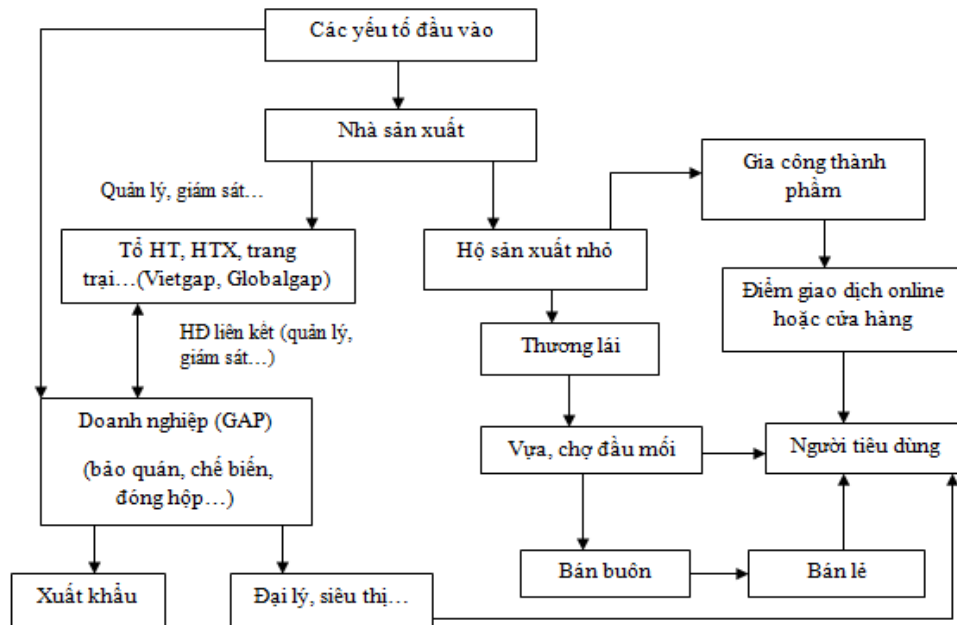
Bên cạnh đó, các hiệp hội, tổ chức tín dụng cần tạo điều kiện hỗ trợ vốn vay cho các hộ để họ có thể gia công, chế biến các sản phẩm của họ ngay tại nhà. Cùng với đó, các ban, ngành chức năng các cấp cần mở một số lớp học, một số cuộc hội nghị, hội thảo giới thiệu cho nhà vườn cách thức gia công một số sản phẩm cơ bản, để làm và hướng bán hàng, kênh tiêu thụ để giới thiệu các sản phẩm đó đến tay người tiêu dùng, như: trực tiếp bán sản phẩm của mình thông qua các cửa hàng, đại lý tại địa phương hoặc kênh tiêu thụ online. Đây là cách thức sản xuất và tiêu thụ mà người sản xuất nhỏ nên thực hiện để nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp.

- Đối với mô hình 2: Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây theo tiêu chuẩn GAP đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Vì vậy, chính quyền, đoàn thể tại địa phương nên vận động những nhà vườn có đủ điều kiện, tiêu chuẩn nên thực hiện mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn GAP. Sự thành bại của các mô hình có vai trò rất lớn của chính quyền, đoàn thể tại địa phương. Đây là đầu mối quan trọng để đưa nông dân đến với những mô hình sản xuất mới, tiếp thu những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới. Đặc biệt chính quyền, đoàn thể là đầu mối quan trọng góp phần tạo nên liên kết ngang giữa nông dân với

nông dân, hình thành nên các tổ hợp tác và hợp tác xã để thực hiện mô hình. Chính quyền đoàn thể tại địa phương là nơi gắn bó, gần gũi với các hộ dân, hiểu sâu sắc về tình hình địa phương, vì vậy chính quyền đoàn thể cần tổ chức tốt công tác dân vận, đặc biệt phải có đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên trách luôn trần trở tâm huyết đưa sản phẩm trái cây trong tỉnh ra thị trường thế giới. Sự tham gia tích cực của chính quyền sẽ giúp việc chuyển đổi mô hình sản xuất trái cây truyền thống sang các mô hình sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện hiệu quả, thành công.

Đối với các hộ dân tham gia mô hình GAP có nguồn kinh phí hỗ trợ từ các dự án, khó khăn nhất là vận động, truyền đạt cho người dân tham gia làm đúng mô hình. Một số hộ khó khăn về vốn để sản xuất, đầu tư thêm giống, cải tạo đất... chính quyền đoàn thể các cấp cần giúp họ tiếp cận với những nguồn vốn vay ưu đãi. Tuy nhiên khi dự án kết thúc, cần vận động các hộ trong mô hình không rời bỏ mô hình, tiếp tục tham gia để được tái chứng nhận các tiêu chuẩn GAP. Kinh phí tái chứng nhận các tiêu chuẩn GAP hiện nay tương đối cao, nhưng vẫn rẻ hơn rất nhiều so với lần đầu thực hiện. Vì vậy, khi dự án kết thúc, tỉnh cần dành một phần kinh phí để hỗ trợ người dân tham gia mô hình. Chẳng hạn năm đầu tiên khi dự án kết thúc, tỉnh hỗ trợ 75% kinh phí để tái chứng nhận, năm thứ hai hỗ trợ 50%, năm thứ 3 là 25%... khi mô hình

Hình 3. Mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây được đề xuất cho tỉnh Bến Tre



Nguồn: Tổng hợp của tác giả

hoạt động có hiệu quả, những năm tiếp sau đó người dân sẽ hoàn toàn tự nguyện tham gia.

Đối với những hộ tham gia mô hình khi không có nguồn tài trợ từ bất kỳ dự án nào, khó khăn lớn nhất đối với họ là nguồn kinh phí bỏ ra. Vì vậy, tỉnh cần có nguồn kinh phí để hỗ trợ, đồng thời vận động các doanh nghiệp tham gia liên kết trong mô hình. Trong tình huống này, các hộ sản xuất có thể đảm trách nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản theo tiêu chuẩn yêu cầu, chính quyền tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cùng ban ngành địa phương hỗ trợ các hộ dân khoản kinh phí hướng dẫn kỹ thuật, cử người giám sát, quản lý, các thủ tục pháp lý... cho đến khi mô hình đạt chứng nhận theo tiêu chuẩn

an toàn; những lần tái chứng nhận sau đó sẽ có những hỗ trợ thích hợp tùy điều kiện kinh phí của tỉnh. Các tổ chức hiệp hội như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ... hướng dẫn cho những hộ thiếu vốn tiếp cận được những nguồn vốn vay phù hợp với mức lãi suất ưu đãi. Đặc biệt, nhà nước nên có khoản cho vay đặc biệt dành cho các hộ sản xuất trái cây an toàn và sản xuất các sản phẩm nông nghiệp an toàn nói chung với mức lãi suất rất thấp, hoặc 1, 2 năm đầu không lãi suất với một khoản vốn vay nhất định, để người dân có thể yên tâm tham gia thực hiện mô hình.

Đối với những doanh nghiệp tham gia liên kết trong mô hình sản xuất theo GAP, nếu ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm cho các hộ tham gia mô

hình sẽ được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2, 3 năm đầu với mức 10%, những năm tiếp theo sẽ được miễn giảm khoảng 5% - 8%, tạo động lực cho các doanh nghiệp tích cực tham gia liên kết trong mô hình. Cùng với người sản xuất, chính quyền địa phương nên vận

động doanh nghiệp tham gia trong mô hình cũng đăng ký để được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GAP trong việc bảo quản, chế biến sản phẩm. Qua đó, các sản phẩm sẽ có vị thế và uy tín, dễ dàng tiếp cận và đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong nước và thế giới. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Cục Thống kê tỉnh Bến Tre. *Niên giám thống kê tỉnh Bến Tre 2006, 2011, 2016*.
2. Nguyễn Thị Vân. 2017. *Đề xuất mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây tại tỉnh Bến Tre*. Đề tài cấp cơ sở. Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ chủ trì.
3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre. 2015. *Kế hoạch xây dựng và hoàn thiện chuỗi giá trị bưởi da xanh tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025*.
4. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bến Tre. 2015. *Kế hoạch thực hiện Nghị quyết về xây dựng và hoàn thiện chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025*.